PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **MA TRẬN ĐỀ THI KHẢO SÁT**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

**Môn: Địa lí 9**

**ĐỀ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Cấp độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | |
| ***TNKQ*** | ***TNKQ*** | ***Vận dụng thấp*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Dân số,nguồn lao động,..** |  |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | *1 câu*  *0.25*  *2.5%* | 3 câu  0.75  7.5% |  |  | ***4***  ***1***  ***10%*** |
| **Kinh tế chung(nông nghiệp, công nghiệp)** |  |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | *2 câu*  *0.5* | 1 câu  0.25 |  |  | ***3***  ***0.75***  ***7.5%*** |
| **Các vùng kinh tế** |  |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 14  3.5  35% | 5  1.25  12.5% | 6  1.5  15% | 4  1  10% | ***29***  ***7.25***  ***72.5%*** |
| **Phát triển tổng hợp kinh tế biển** |  |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ* | 3  0.75  7.5% | 1  0.25  2.5% |  |  | ***4***  ***1***  ***10%*** |
| **Tổng**  *Số câu*  *Số điểm* | **50%**  **20**  **5** | **25%**  **10**  **2.5** | **25%**  **6 4**  **1.5 1** | | **100%**  **40**  **10** |

PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **ĐỀ THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 10**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

**Môn: Địa lí 9** **ĐỀ 2**

**Thời gian làm bài 60 phút** *(Không kể thời gian phát đề***)**

**Câu 1:** Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là:

**A.** Đã qua đào tạo. **B.** Lao động trình độ cao

**C.** Lao động đơn giản. **D.** Tất cả chưa qua đào tạo.

**Câu 2:** Cũng theo xu hướng hiện nay, lĩnh vực nào có tỷ trọng lao động ngày càng tăng?

**A.** Lâm nghiệp. **B.** Công nghiệp

**C.** Ngư nghiệp. **D.** Nông nghiệp

**Câu 3:** Theo cơ cấu chung trong tháp dân số, dân số phụ thuộc là đối tượng nào?

**A.** Không đủ sức lao động **B.** Thiếu việc làm.

**C.** Không có việc làm. **D.** Chưa đến tuổi lao động và quá lao động

**Câu 4:** Nền kinh tế nước ta bước vào giai đoạn đổi mới từ khi nào?

**A.** 1945 **B.** 1986. **C.** 1975 **D.** 1930

**Câu 5:** Phân theo cơ cấu lao động, nguồn lao động nước ta chủ yếu tập trung trong hoạt động:

**A.** Dịch vụ. **B.** Công nghiệp.

**C.** Cả ba lĩnh vực bằng nhau. **D.** Nông nghiệp.

**Câu 6:** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là:

**A**.phù sa **B.** mùn núi cao **C.** Feralit **D.** đất cát ven biển.

**Câu 7:** Vật nuôi nào của Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước?

**A**. Trâu **B.** Bò **C**. Gia cầm **D**. Lợn

**Câu 8:** Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của nước ta?

**A**.Khánh Hòa **B**. Huế **C**. Đà Nẵng **D**. Phú Yên

**Câu 9:** Nhà máy thủy điện nào thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

**A.**Hòa Bình **B**. Sông Hinh **C**. Y-a-ly **D**. Trị An

**Câu 10**:Lạc, vừng vùng Bắc Trung Bộ được trồng ở đâu ?

**A**.Vùng đất cát pha ven biển **B**.Đồng bằng

**C.**Vùng gò đồi  **D**.Vùng núi cao.

**Câu 11**: Nha Trang.là một trong những trung tâm kinh tế của vùng:

**A**.Trung du miền núi Bắc Bộ **B**.Đồng bằng sông Hồng

**C**.Bắc Trung Bộ **D**. Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 12:** Vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta là:

**A**. Bắc Trung Bộ.  **B**. Đồng bằng sông Cửu Long.

**C**. Đồng bằng sông Hồng. **D**. Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 13:** Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc là:

**A**. dầu.  **B**. gỗ. **C.** khí tự nhiên **D**. than

**Câu 14:** Đâu **không** phải là ý nghĩa của vị trí, giới hạn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển kinh tế-xã hội?

**A.** Thuận lợi cho phát triển kinh tế trên đất liền.

**B.** Thuận lợi phát triển kinh tế biển đảo.

**C.** Mở rộng quan hệ hợp tác giao lưu kinh tế-văn hóa với các nước.

**D.** Thuận lợi phát triển cây lúa.

**Câu 15:** Vùng Đông Nam Bộ có diện tích 23.550 km2. Năm 2002, dân số 10,9 triệu người. Vậy mật độ dân số của vùng năm 2002 là bao nhiêu người/km2?

1. 364 **B.** 463 **C.** 634 **D.** 560

**Câu 16:** Khó khăn tự nhiên chủ yếu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đối với sản xuất lương thực là:

**A**.diện tích rừng ngập mặn lớn.

**B.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** nhiều tỉnh/ thành giáp biển.

**D.** diện tích đất nhiễm phèn, mặn lớn.

**Câu 17:** Đâu **không** phải là ý nghĩa của vị trí, giới hạn của vùng Đông Nam Bộ đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ?

**A.** Là cầu nối giữa đất liền với biển Đông.

**B.** Thuận lợi phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm.

**C.** Là cầu nối giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế với các vùng trong nước, với nước ngoài.

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về cơ cấu GDP của vùng Đông Nam Bộ năm 2007:

**A.** nông, lâm, thuỷ sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

**B.** dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn thứ hai.

**C.** nông, lâm, thuỷ sản chiếm tỉ trọng lớn hơn dịch vụ.

**D.** công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng lớn nhất.

**Câu 19:** Dựa vào Atlat trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích gieo trồng lúa ít nhất?

**A.** Kiên Giang **B.** Đồng Tháp. **C.** An Giang **D.** Cà Mau.

**Câu 20:** Đặc điểm nào sau đây **không** phải là của dân cư, xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

**B.** Mặt bằng dân trí cao hàng đầu cả nước.

**C.** Ngoài người Kinh còn có người Khơ-me, người Chăm.

**D.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.

**Câu 21:** Bình quân lương thực theo đầu người (kg/người) của Đồng bằng sông Cửu Long vào 2002 là:

**A.** 1012,3 **B.** 631,2 **C.** 854.3 **D.** 1066.3

**Câu 22**. Đặc điểm ngành công nghiệp vùng Đông Nam Bộ trước năm 1975 là:

**A**.Các ngành sản xuất phân bố rộng khắp vùng

**B**. Phụ thuộc vào nước ngoài

**C**. Phát triển mạnh mẽ nhiều ngành sản xuất

**D**. Nhiều ngành công nghiệp hiện đại

**Câu 23:** Khó khăn của vùng Đông Nam Bộ về mặt tự nhiên là:

**A**.Khí hậu cận xích đạo, ít biến động

**B**. Diện tich đất ban, đất xám nhiều

**C**.Ít khoáng sản trên đất liền

**D**. Biển ấm, ngư trường rộng

**Câu 24**: Các trung tâm công nghiệp, dịch vụ quan trọng nhất của khu vực Bắc Bộ là:

**A**. Hải Dương, Hưng Yên. **B**. Hà Nội, Hải Phòng.

**C**. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc. **D**. Hà Nam, Ninh Bình.

**Câu 25:** Vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở vùng nào?

**A**. Trung du miền núi Bắc Bộ. **B**.Đồng bằng sông Hồng.

**C**. Bắc Trung Bộ. **D**. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 26:** Loại cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

**A.** cà phê **B.** cao su. **C.** hồ tiêu **D.** điều.

**Câu 27:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Bà Rịa. **B.** Trị An. **C.** Thác Mơ . **D.** Phú Mỹ.

**Câu 28:** Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

**A.** sản xuất hàng tiêu dùng. **B.** dệt may

**C.** chế biến lương thực thực phẩm **D.** cơ khí.

**Câu 29:** Một vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là:

**A.** nghèo tài nguyên **B.** dân đông

**C.** ô nhiễm môi trường. **D.** thu nhập thấp

**Câu 30:** Nguyên nhân cơ bản của việc đánh bắt ven bờ là:

**A.** Cá chủ yếu ở ven bờ. **B.** Biển nhiều thiên tai.

**C.** Tàu thuyền nhỏ **D.** Chính sách.

**Câu 31:** Có một loại hình dịch vụ khó tìm thấy ở các vùng khác ngoài Đồng bằng Sông Cửu Long là:

**A.** chợ nổi **B.** chợ phiên. **C.** chợ đêm **D.** chợ gỗ

**Câu 32:** Loại hình dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước là:

**A.** vận tải đường sắt **B.** vận tải đường sông.

**C.** bưu chính. **D.** xuất nhập khẩu.

**Câu 33:** Điểm đặc biệt nhất về vị trí của Tây Nguyên là:

**A.** địa hình cao. **B.** giáp 2 quốc gia.

**C.** không giáp biển . **D.** đất Feralit.

**Câu 34:** Loại cây công nghiệp phát triển nhất Tây Nguyên là:

**A**.cà phê **B.** cao su **C.** điều. **D.** chè

**Câu 35:** Một trong những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường biển là:

**A.** Chuyển hướng khai thác. **B.** Bảo vệ san hô.

**C.** Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản. **D.** Chống ô nhiễm do dầu khí

**Câu 36:** Loại cây công nghiệp Tây Nguyên trồng ít hơn Trung Du miền núi Bắc Bộ là cây nào ?

1. Cao su **B.** Điều. **C.** Chè **D.** Cà phê

**Câu 37:** Nói Đồng bằng Sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì:

**A.** Hơn 50% sản lượng.

**B.** Chiếm hơn 50% diện tích canh tác.

**C.** Điều kiện tốt để canh tác.

**D.** Hơn 50% diện tích và sản lượng.

**Câu 38:** Loại khoáng sản giàu trữ lượng nhất ở Tây Nguyên là gì?

**A.** Vàng **B.** Kẽm **C.** Bô xít **D.** Than đá.

**Câu 39:** Nhận định nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng Sông Cửu Long?

**A.** Năng suất lúa cao nhất. **B.** Sản xuất lúa gạo nhiều nhất.

**C.** Xuất khẩu nông sản nhiều nhất. **D.** Diện tích đồng bằng lớn nhất.

**Câu 40:** Cho bảng số liệu: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế phân theo 3 nhóm ngành của Đông Nam Bộ (%), nhận xét nào sau đây **không** đúng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Công nghiệp chế biến | Công nghiệp khai thác | Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước |
| 1996 | 79.9 | 13.9 | 6.2 |
| 2007 | 85 | 10.2 | 4.8 |

**A.** Ngành công nghiệp khai thác có xu hướng giảm tỉ trọng từ năm 1996-2007.

**B.** Ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước chiếm tỉ trọng thấp nhất.

**C.** Ngành công nghiệp chế biến có xu hướng giảm tỉ trọng từ năm 1996-2007.

**D.** Ngành công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng cao nhất.

PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **ĐÁP ÁN THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 10**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

**Môn: Địa lí 9**

**ĐỀ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu Đáp án** | 1A | 2B | 3D | 4B | 5B | 6C | 7D | 8A | 9A | 10A |
| 11D | 12C | 13D | 14D | 15B | 16D | 17B | 18C | 19D | 20B |
| 21D | 22B | 23C | 24B | 25B | 26B | 27D | 28C | 29C | 30C |
| 31A | 32D | 33C | 34A | 35D | 36C | 37D | 38C | 39A | 40C |